

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 73/2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2016

THÔNG TƯ**Sửa đổi, bổ sung mức thuế suất thuế xuất khẩu đối với mặt hàng than làm từ mùn cưa thuộc nhóm 44.02 tại Biểu thuế xuất khẩu ban hành kèm theo Thông tư số 182/2015/TT-BTC ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính***Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14/6/2005;**Căn cứ Nghị quyết số 830/2009/UBTVQH12 ngày 17/10/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 28/9/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất ưu đãi đối với từng nhóm hàng và Nghị quyết số 710/2008/NQ-UBTVQH12 ngày 22/11/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12;**Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;**Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;**Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,**Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung mức thuế suất thuế xuất khẩu đối với mặt hàng than làm từ mùn cưa thuộc nhóm 44.02 tại Biểu thuế xuất khẩu ban hành kèm theo Thông tư số 182/2015/TT-BTC ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.***Điều 1. Sửa đổi, bổ sung mức thuế suất thuế xuất khẩu****Sửa đổi, bổ sung mức thuế suất thuế xuất khẩu đối với mặt hàng than làm từ mùn cưa thuộc nhóm 44.02 tại Biểu thuế xuất khẩu ban hành kèm theo Thông tư số 182/2015/TT-BTC ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế như sau:**

STT	Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)
67	4402	Than củi (kể cả than đốt từ vỏ quả hoặc hạt), đã hoặc chưa đóng thành khối	
	4402.10.00	- Củi tre	10
	4402.90	- Loại khác:	
	4402.90.10	- - Than gáo dừa	0
	4402.90.90	- - Loại khác:	
	4402.90.90.10	- - - Than gỗ rừng trồng	5
	4402.90.90.20	- - - Than làm từ mùn cưa	5
	4402.90.90.90	- - - Loại khác	10

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 7 năm 2016./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Vũ Thị Mai